TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46 /2020/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Lộc, ngày 24 tháng 7 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 54 /2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn D – Sinh năm: 1985.

Trú quán: Thôn 4, xã A, huyện V, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị H – Sinh năm: 1992

Trú quán: Thôn 4, xã A, huyện V, tỉnh T.

Tạm trú: Xóm B, xã H, huyện V, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3, 4 Điều 147của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn D và chị Trịnh Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về hôn nhân:*** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn D và chị

Trịnh Thị H.

- Về con cái: Công nhận anh Lê Văn D và chị Trịnh Thị H có 01 con chung tên là: Lê Ngọc A – sinh ngày 30/3/2017 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu Lê Ngọc A đang sống cùng với chị H.

Anh D và chị H thống nhất, thỏa thuận: Giao cháu Lê Ngọc A cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh D có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 01tháng. Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ tháng 8/2020, tiền cấp dưỡng nuôi con chung được đóng vào ngày cuối cùng của tháng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Lê Văn D và chị Trịnh Thị H thống nhất: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Văn D và chị Trịnh Thị H thống nhất, thỏa thuận: Anh Lê Văn D chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004664 ngày 22/5/2020. Anh Lê Văn D đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trịnh Thị H không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang